

Người di cư tự do từ nông thôn ra Hà Nội: Chiến lược giới và quá trình chuẩn bị vượt qua các rào cản trước khi di cư

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Trong nhiều năm qua, di cư tự do từ nông thôn ra đô thị đã trở thành một hiện tượng xã hội ngày càng phổ biến, đặc biệt là những đô thị lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên kết quả khảo sát của đề tài “Sự thích ứng của người di cư từ nông thôn ra đô thị và các vùng phụ cận - nghiên cứu trường hợp Hà Nội” do Viện Gia đình và Giới tiến hành năm 2008-2009, bài viết tập trung phân tích về chiến lược giới và quá trình chuẩn bị để vượt qua các rào cản trước khi di cư. Kết quả cho thấy vai trò giới có mối liên quan chặt chẽ tới động lực di cư, quyết định di cư và tác động tới con đường di cư của phụ nữ và nam giới. Quyền quyết định di cư bị ảnh hưởng bởi chiến lược lựa chọn tối ưu của các gia đình, theo đó, người có nhiều cơ hội việc làm hơn và/hoặc có thể tích lũy nhiều tiền cho gia đình hơn sẽ là người di cư. Hạnh phúc gia đình và khoảng cách địa lý giữa nơi đi và nơi đến cũng là các yếu tố được các gia đình cân nhắc khi quyết định di cư.

Từ khóa: Giới; Giới và lao động việc làm; Di cư tự do.

Di cư tự do gần như không nhận được một chương trình hỗ trợ đặc biệt nào từ Chính phủ, nếu không nói là người di cư còn phải chịu đựng nhiều áp lực từ các chính sách cấm đoán hay hạn chế của chính quyền các đô thị nói chung và Hà Nội nói riêng. Sự thích ứng của người di cư thực sự là cả một quá trình, bao gồm từ giai đoạn chuẩn bị cho đến khi tìm được công ăn việc làm và có thể đứng vững được trong một thị trường lao động mới. Quá trình này có thể bao gồm cả những thành công và thất bại. Ở mỗi cá nhân di cư, thất bại vẫn có thể xảy ra ở cả những người có đầy đủ kinh nghiệm, có sự chuẩn bị tốt nhất, thậm chí ở cả những người di cư nhận được sự ủng hộ từ phía chính quyền địa phương nơi đi và nơi đến.

Vậy điều gì làm nên thành công của nhiều cuộc di cư và điều gì gây ra thất bại cho những người di cư xét từ phương diện của các hộ gia đình hoặc suy tính của mỗi cá nhân di cư? Quyết định của người di cư liệu có dựa trên những cơ sở thực tiễn hay chỉ là những quyết định di cư “mù” không có toan tính, chuẩn bị?

Bài viết đề cập đến chiến lược lựa chọn khôn ngoan của những người nông dân trước khi dấn thân vào thị trường lao động ở Hà Nội để có thể vượt qua được những khó khăn và thích ứng được ở môi trường lao động mới. Bài viết sử dụng một số kết quả của đề tài “Sự thích ứng của người di cư từ nông thôn ra đô thị và các vùng phụ cận – nghiên cứu trường hợp Hà Nội” do nhóm nghiên cứu Viện Gia đình và Giới thực hiện năm 2008-2009. Mẫu nghiên cứu định lượng là 700 lao động nhập cư tự do từ các tỉnh về Hà Nội, bao gồm 319 nam và 381 nữ. Nghiên cứu định tính đã tiến hành phỏng vấn sâu 65 người, hai cuộc thảo luận nhóm với 30 người tham gia. 5 phỏng vấn người cung cấp thông tin chủ chốt cũng đã được nhóm nghiên cứu thực hiện, gồm những người làm công tác quản lý chính quyền, đoàn thể tại địa bàn.

1. Những băn khoăn, lo lắng trước khi di cư

1.1. Cân nhắc “ra đi” hay “ở lại”:

Thách thức đầu tiên mà người lao động di cư gặp phải là những cân nhắc trước việc quyết định “ra đi” hay “ở lại” quê hương. Chỉ khoảng một phần ba những người thuộc diện khảo sát (34,4%) có mục đích mưu sinh rõ ràng hoặc đi cùng vợ/chồng nên cảm thấy dễ dàng. Hai phần ba số người còn lại (65,6%), mặc dù mong muốn tìm kiếm những cơ hội tốt hơn về thu nhập, về xây dựng cuộc sống gia đình hay về tương lai học hành của con cái, thì những day dứt, lẩn tránh trong suy nghĩ khiến quyết định

Bảng 1. Những khó khăn trước khi di cư và giới tính người trả lời (% ý kiến)

Loại khó khăn/lo lắng	Nam	Nữ	Tổng số (n=459)
Không có kiến thức nghề nghiệp	24,9*	28,1*	26,8
Gia đình ở nhà quá lo lắng	24,3**	14,6**	18,5
Con cái còn nhỏ	20,5***	44,5***	34,9
Không đủ vốn để làm ăn	21,6*	17,9*	19,4
Lo việc học hành của con cái	18,9*	21,9*	20,7
Chưa biết gì về nơi đến	10,8**	5,8**	7,8
Cha mẹ già yếu/ vợ/ chồng/con ốm đau	8,1*	8,8*	8,5
Lo vợ/chồng không tin tưởng	5,9*	6,2*	6,1
Lo lắng về cuộc sống mới ở HN	3,2*	6,6*	5,2
Làng xóm dị nghị	0,5*	1,5*	1,1
Không được cấp giấy tạm vắng	0,5*	0,4*	0,4

Nguồn: Khảo sát điều tra di cư, 2008

Mức ý nghĩa: *p=0,1; **p=0,05; ***p=0,01

tạm xa nhà không phải là điều dễ dàng. Có thể đó là tâm lý e ngại vợ/chồng không tin tưởng khi họ sống xa nhà bởi cuộc sống và công việc mới ở nơi đô thị vốn lạ lẫm và nhiều cạm bẫy. Có thể đó chỉ là những lo lắng chung về công việc hoặc khi gia đình thiếu vắng một lao động thường ngày là trụ cột và cũng có thể là do họ đang có con nhỏ, những đứa con đang rất cần bàn tay chăm sóc của mẹ của cha... (Bảng 1).

1.2. Tương quan giới khi quyết định:

Xét về tương quan giới, cả phụ nữ và nam giới đều có những e ngại giống nhau về vốn và kiến thức nghề nghiệp. Là những người nông dân nghèo, nên cả lao động nam và nữ đều lo lắng về vốn liếng cho việc khởi đầu một công việc mới ở đô thị. Những người di cư hiểu rằng, dù là những công việc đơn giản nhất thì họ cũng cần phải có một chút vốn để trang trải cho việc sắm đôi quang gánh, bộ đồ nghề cắt tóc hay để mua chút hoa quả đi bán rong. Nhưng việc chuẩn bị vài trăm nghìn vẫn là rất khó khăn đối với những người quanh năm “bán mặt cho đất, bán lưng cho gười” đang muốn khởi nghiệp nơi đô thị.

Những lo lắng về kiến thức nghề nghiệp cũng là một thách thức đối với khá nhiều người và điều này được bộc lộ trong một số phỏng vấn sâu với những người giúp việc gia đình, bán hàng rong hoặc giúp việc trong các

cửa hàng gọi đầu. Ở một tỷ lệ nhỏ hơn, phụ nữ và nam giới chia sẻ nỗi lo về cha mẹ già yếu, vợ chồng không tin tưởng nhau, chưa quen với cuộc sống mới ở Hà Nội, làng xóm dị nghị hay không được cấp phép tạm vắng.

1.3. Cân nhắc về việc chăm sóc và dạy dỗ con:

Tuy nhiên, trước khi di cư, nhiều phụ nữ bày tỏ nỗi lo của mình về việc chăm sóc và dạy dỗ con học hành trong khi không ít nam giới cho rằng “thiếu kiến thức nghề nghiệp” và “gia đình ở nhà quá lo lắng cho họ” là những trở ngại hàng đầu. Tỷ lệ phụ nữ lo lắng vì con họ còn bé cao gấp ba lần nam giới (76,3% nữ so với 23,8% nam). Là những người chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc con cái, xa con đi làm ăn xa quả là một quyết định không dễ dàng đối với họ. Một phụ nữ di cư tâm sự: *“Cái khổ tâm nhất của phụ nữ chúng em là phải xa các con, nhất là cháu út nhà em mới có 3 tuổi. Những đêm đầu nằm ở Hà Nội nhớ các cháu quá, cũng phải khóc thảm đấy, nhưng lại nghĩ mình phải chịu đựng vì chồng con”* (nữ di cư, 35 tuổi). Có chị thậm chí còn cảm thấy có lỗi khi không thể gần con, chăm sóc cho con: *“Muốn cho con đầy đủ thì phải đi làm ăn xa, mà đi làm ăn xa thì lại không quan tâm đến chuyện hàng ngày của con được. Chỉ mong sau này con cái lớn lên hiểu được tấm lòng của mình”* (nữ di cư, 27 tuổi).

Như vậy, có thể thấy, các yếu tố văn hoá và các chuẩn mực xã hội quy định nên vai trò của mỗi giới đang làm cho hoàn cảnh dẫn đến di cư của phụ nữ luôn luôn phức tạp hơn nam giới, những vấn đề mà phụ nữ di cư phải đương đầu cũng khác với các khó khăn mà nam giới gặp phải.

1.4. Sự khác biệt giữa các lứa tuổi:

Xét mối tương quan giữa độ tuổi của người di cư với những khó khăn/lo lắng của họ, ngoại trừ nhóm trung niên (35-49 tuổi) không bày tỏ, thì nhóm trẻ (dưới 20 tuổi và từ 20-34 tuổi) và nhóm lớn tuổi (trên 50) thường trực nỗi lo về kiến thức nghề nghiệp với tỷ lệ tương ứng là 35,3; 29,9 và 29,3%. Sự non kém về kinh nghiệm của nhóm trẻ và khả năng khó chuyển đổi nghề, khó tiếp thu những kiến thức nghề mới của nhóm lớn tuổi là lý do cho những băn khoăn của các nhóm này. Ngoài ra, có 12,2% số người trên 50 tuổi cho rằng họ không có hiểu biết gì về nơi mình sẽ đến.

Như vậy, những khó khăn, lo lắng mà người di cư gặp phải trước khi ra đi là khá đa dạng ở cả nam lẫn nữ và giữa các nhóm tuổi. Trong số nhiều điều bất lợi đó, có thể kể đến những thiếu hụt về vốn liếng, kiến thức nghề

nghiep mới, học vấn tay nghề, hay những lo lắng về gia đình, con cái... Phụ nữ lo lắng nhiều về con cái trước khi di cư, trong khi nam giới lo lắng nhiều về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng kiếm tiền ở nơi đến.

Vậy người di cư, cả nữ và nam, đã chuẩn bị những gì để vượt qua những rào cản ban đầu của hành trình di cư vào thị trường lao động tại Hà Nội?

2. Chiến lược giới và ảnh hưởng của nó trong quá trình ra quyết định di cư

Cho dù đa số người di cư khẳng định mình là người quyết định việc di cư thì ở nhiều gia đình đây không phải là việc tự nam hay nữ có thể quyết định một cách hoàn toàn độc lập, mà luôn có nhiều người khác tham gia, bởi nó không đơn thuần là một cuộc “rong chơi” của người nhà quê ở chốn thị thành, mà là sự vật lộn để mưu sinh và tồn tại. Quan trọng hơn, di cư là một chiến lược để thoát khỏi nghèo đói của hộ gia đình nông dân và nếu không có một chiến lược phù hợp, những người nông dân cũng khó có thể vượt qua ngay cả những rào cản đầu tiên.

Những đường hướng mưu sinh có thể đến với người nông dân một cách tự nhiên nhất, như “*nghe người ta nói, nhìn thấy họ kiếm được thì mình cũng muốn làm*”, hay có thể mạo hiểm hơn “*cứ đi, biết đâu đấy, người ta sống được, mình cũng sống được*”. Di cư cũng khởi đầu bằng sự mong đợi, như chính Torado (1976) nêu trong lý thuyết nghiên cứu di dân vi mô của ông. Xâu chuỗi lại, người ta thấy cả một loạt các hành động của phần lớn nông dân đều xuất phát từ những mục tiêu nhất định và đều có những chuẩn bị nhất định, có những cân nhắc, tính toán nhất định. Có khác chăng là người này sẽ kỹ càng hơn, tỷ mỉ hơn, lưng vốn nhiều hơn và người kia thì nhẹ hơn. Vậy, những quyết sách chung của người nông dân khi di cư tới Hà Nội là gì?

2.1. Cân nhắc nhu cầu thị trường, lợi thế của người ra đi và lợi ích của hộ gia đình:

Là chiến lược để thoát khỏi đói nghèo, việc di cư buộc các gia đình cân nhắc xem ai là người có năng lực phù hợp với yêu cầu của thị trường để khi làm việc xa nhà có thể đem lại thu nhập cao hơn cả. Do đó, không nhất thiết người di cư phải là nam giới nếu thị trường đòi hỏi các công việc cần đến lao động nữ. Dù muốn dù không, những nam nữ nông dân cũng nhận thấy trong gia đình người đi là người có thể tìm được một việc làm ở thị

trường Hà Nội (Phạm Thị Huệ, 2008).

“Bây giờ ai có cơ hội thi kiếm tiền, không phân biệt nam nữ nữa. Anh ấy mà có đi thi cũng không thể đi gánh ngô luộc để bán như em được. Làng em phụ nữ chỉ làm nghề này thôi nên phụ nữ thường rủ nhau đi nhiều hơn” (nữ di cư, 34 tuổi).

Phụ nữ khi tham gia lao động tự do ở thị trường Hà Nội cũng có những lợi thế nhất định so với nam giới ở một số khía cạnh, xét về nhu cầu của thị trường, về sự bền bỉ và khả năng chịu đựng. Điều này được cả hai giới thừa nhận trong các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Hầu hết các ý kiến trong các thảo luận nhóm cho rằng: nam giới khoẻ mạnh, có thể làm nhiều loại việc nặng nhọc như bốc vác, xây dựng... nhưng khả năng tìm những công việc này lại không thường xuyên. Nhiều nam giới phải tập trung chờ việc tại các “chợ lao động”, có khi chờ cả ngày vẫn không ai thuê mướn. Trong khi đó, nhu cầu thuê mướn phụ nữ giúp việc cho các gia đình và các cửa hàng gọi đầu ở Hà Nội là rất cao. Nhiều phụ nữ di cư cho biết ngay từ khi đang chuẩn bị tại quê, họ cũng đã phần nào biết được lợi thế này.

“Bây giờ mà chị về quê em, có làng chỉ rất đàn ông thôi. Phụ nữ đi hết cả rồi. Họ đi giúp việc, đi bán hàng hết rồi. Ai cũng biết Hà Nội đang cần người làm hàng cơm, làm giúp việc lau chùi quét dọn nhiều lắm. Phụ nữ cứ rủ nhau, thế là cả làng kéo lên đây...” (nữ di cư, 25 tuổi).

Như vậy, so với nam giới, phụ nữ hoàn toàn có thể mạnh trong một số ngành nghề ở đô thị, ví dụ như công việc bán hàng rong trên phố, giúp việc gia đình, buôn bán đồng nát, lau chùi dọn dẹp nhà cửa... cho dù có các cạnh tranh nhất định. Cho nên, ở một số ngành nghề của thị trường lao động không chính thức, không hẳn là phụ nữ bị thua thiệt mọi lợi thế, như tác giả Lê Thi (2003) đã nhận định trong nghiên cứu của bà về “Phụ nữ Việt Nam trong kinh tế thị trường”.

2.2. Cẩn nhắc về hiệu quả kinh tế:

Trong các gia đình, người được chọn di cư thường là thành viên có thể mang lại thu nhập cao hơn cho gia đình. Trong những trường hợp mà di cư nam giới không đem lại thu nhập cao – với nghĩa là tiền gửi về cho gia đình không cao, di cư của phụ nữ có lợi thế hơn thì người vợ có thể sẽ là người di cư.

Từ phía nam giới, xin dẫn ra đây một ý kiến khá lý thú của anh T. (Lý Nhân - Hà Nam) khi giải thích tại sao lại để vợ lên Hà Nội và về quê thay vợ trông con:

“Xét về hiệu quả kinh tế thì vợ tôi đi làm sẽ mang về nhà nhiều tiền hơn tôi tuy thu nhập hàng ngày có thể thấp hơn tôi. Cô ấy biết dành dụm. Tôi làm ra nhiều nhưng lại tiêu hết nhiều, tối lại hay la cà quán nước. Các cô ấy đi bán hàng, khát khô cả cổ cũng không dám uống chai nước ngọt, chỉ uống hớp nước chè 500 đồng cũng còn thấy xót. Cơm mỗi bữa họ chỉ ăn hết 3000 - 5000 đ, chúng tôi cứ phải ăn tốn gấp đôi. Các bà ấy thì kiên nhẫn, đàn ông chúng tôi hay sốt ruột và cũng không ngồi bán được như các bà ấy. Vì thế, những người đàn ông như tôi chấp nhận đi về lo công việc gia đình, chăm sóc con cái và phần việc nông nghiệp ở quê” (nam di cư, 37 tuổi).

Nhận xét về việc phụ nữ di cư có thể mang lại lợi ích cao hơn cho gia đình là đồng nhất với kết luận trong Điều tra di cư 2004 của Tổng cục Thống kê và UNFPA (2006) cho rằng phụ nữ di cư thường gửi tiền về nhà nhiều hơn nam giới mặc dù thu nhập có thể thấp hơn nam giới.

2.3. Cân nhắc về hạnh phúc gia đình:

Hộ gia đình cũng luôn cân nhắc và quyết định ai trong gia đình có thể đi cư nếu sự di cư ấy có thể đem lại thu nhập khá hơn nhưng lại ít nguy cơ đe dọa hạnh phúc của gia đình. Mang tiền về cho gia đình và giữ gìn hạnh phúc gia đình thực sự là hai vấn đề mà phụ nữ trong các hộ gia đình nông dân luôn cân nhắc nhiều hơn nam giới. Một phụ nữ di cư tâm sự:

“Em nghĩ đàn ông đi tiêu hết, mình ở nhà vừa khổ, vừa khó khăn mà lúc anh ấy về tiêu hết tiền thì cũng bằng không. [...] Thì chị tính đàn ông mà đi xa nhà, mình không quản được lại có người khác quản mất thôi. Em cũng tin chồng em, nhưng mà cũng không nói trước được, vì em đã thấy lên đây có nam giới đi bỏ bịch rồi sao hằng tiền gửi cho vợ” (nữ di cư, 38 tuổi).

Một số phụ nữ và nam giới di cư đã từng ly hôn hay ly thân được phỏng vấn trong nghiên cứu này khẳng định những kinh nghiệm sai lầm của họ do không lường trước vấn đề này khi người chồng/vợ hay chính bản thân họ di cư lên Hà Nội. Hoa, người phụ nữ Lào Cai, đã ngậm ngùi nói rằng cô đi Hà Nội, phần vì phải kiếm tiền cho con, nhưng phần chính là để giữ chồng nhưng cuối cùng không giữ nổi vì anh ta đã chung sống với một phụ nữ (cũng di cư) khác. Hay H., một nam giới đã từng ly hôn hai lần vì “sau mỗi lần tôi đi vài tháng, về nhà đã thấy xì xào nó đi với thằng đàn ông khác ở xã khác”. Mặc dù đổ lỗi cho sự tham tiền và tính không chung thủy của hai người vợ đầu để bào chữa cho hậu quả di cư của mình thì cuối cùng người nam giới này cũng phải thốt lên rằng “có thể họ không chịu

đựng được việc tôi đi làm ăn xa” (nam di cư).

2.4. Kết hợp hài hòa mục tiêu di cư và chăm sóc gia đình:

Lựa chọn khôn ngoan nơi di cư để hài hòa các mục tiêu di cư và mục tiêu chăm sóc gia đình: 82,3% người di cư trong mẫu chọn Hà Nội là điểm di cư đầu tiên và gần 18% số người được hỏi trước khi di cư đến Hà Nội đã từng di cư đi nơi khác. Nếu như thành phố Hồ Chí Minh, trong con mắt của một số người nông dân đã từng đến, được coi là nơi lý tưởng để làm ăn với điều kiện sống tương đối tốt hơn thì lại chỉ phù hợp với những ai có ý định di cư lâu dài. Nó không phù hợp với những người nông dân nông thôn Bắc Bộ không muốn đi quá xa vì muốn quay về tiếp tục vai trò truyền thống của mình sau lũy tre làng.

Hà Nội được coi là một sự lựa chọn khôn ngoan của những người nông dân vùng châu thổ sông Hồng. Điểm đến này có thể hài hòa các mục tiêu trong di cư xét về cơ hội kiếm tiền và khoảng cách địa lý với gia đình. Vì thế, có tới 45,9% nữ và 43,3% nam chọn Hà Nội làm nơi đến. Ngoài ra, người di cư lựa chọn Hà Nội với mong muốn sẽ nhận được hậu thuẫn, giúp đỡ và liên kết làm ăn với những người di cư đồng hương. Phụ nữ đặc biệt đề cao yếu tố thứ ba, vì thế có 38,6 % số phụ nữ lựa chọn phương án này so với 26% nam giới.

Không chỉ có những quyết sách đúng, để có sự thích ứng tốt hơn, người di cư còn làm giàu thêm hiểu biết của mình qua việc chuẩn bị các thông tin trước khi di cư và tập trung khắc phục những khó khăn nào có thể khắc phục được.

3. Chuẩn bị thông tin trước khi di cư

3.1. Sử dụng “nguồn vốn xã hội” để tham vấn các thông tin về việc làm và nơi đến:

Kinh nghiệm, bản lĩnh, trình độ học vấn, kỹ năng tay nghề tối thiểu, sức khỏe tốt, kỹ năng thương thuyết và một chút may mắn... luôn là nền tảng để những người di cư tự do có được thành công. Nhưng chỉ ngần ấy thôi cũng chưa đủ nếu người di cư, trong những bước khởi đầu muốn vượt khó khăn, thiếu đi một nguồn vốn cực kỳ quan trọng mà bất kể mỗi cá nhân nào khi di cư cũng đều cần. Thiếu nguồn vốn đó, người di cư trở nên “mù”, trở nên vô cùng may rủi vì di cư chỉ còn là sự ra đi dựa trên hy vọng thuần túy.

Mạng lưới quan hệ xã hội thực sự là một nguồn vốn xã hội của người di cư (Bourdieu và cộng sự, 1992: 119; dẫn theo Lê Việt Nga, 2009) và

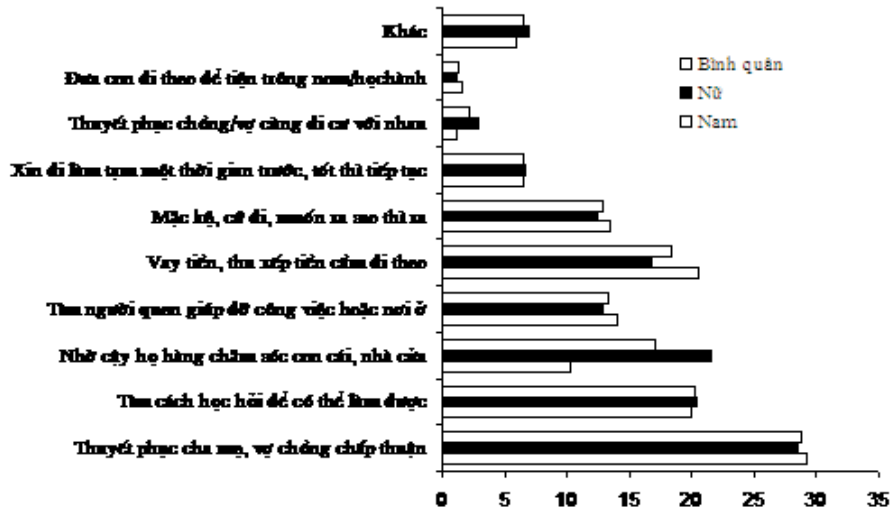
tâm quan trọng của nó đã được nhiều nhà nghiên cứu về di cư đề cập. Trong một nghiên cứu về lao động di dân tự do, tác giả Thân Văn Liên (1997) cho biết có tới 90% số người di cư nói rằng họ dựa vào nguồn tin của bạn bè, người thân quen để tìm hiểu tình hình việc làm và sinh sống ở đô thị. Cách tổ chức cuộc sống, tìm việc làm đều phụ thuộc rất nhiều vào mạng lưới xã hội theo quan hệ tình cảm đặc trưng cho kiểu sống nông thôn. Chỉ 20% người di cư tự đi một mình, 80% là đi theo nhóm.

Số liệu của nghiên cứu này cung cấp thêm một số bằng chứng ủng hộ cho các nhận định đánh giá tâm quan trọng bậc nhất của mạng lưới quan hệ xã hội trong di cư và di cư tự do là di cư luôn có chuẩn bị trên cơ sở những thông tin từ mạng lưới xã hội này.

Việc phân tích số liệu khảo sát cho thấy có 82,7% người di cư tìm kiếm thông tin về nơi đến và việc làm trước khi di cư đến Hà Nội qua mạng lưới quan hệ xã hội của các cá nhân (người làng, họ hàng và cha mẹ) và đây là những kênh thông tin quan trọng nhất. Trong các kênh này, tỷ lệ người làng đi trước nói chuyện, giới thiệu chiếm 59,1%, cao nhất so với các cách tìm việc nhờ họ hàng giới thiệu (16,7%), cha mẹ đi trước (6,9%) hay tự tìm (13,0%). Trong nhóm những người có tham khảo thông tin qua mạng lưới xã hội, không có sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc sử dụng mỗi nguồn thông tin khi xét các mức ý nghĩa tương quan. Ngược lại, trong nhóm những người lựa chọn phương án tự đi tìm (phương án có độ rủi ro cao nhất) thì sự tương quan về giới là rõ ràng. Số nam giới có xu hướng tự đi tìm việc, chấp nhận rủi ro cao hơn nữ (18,2 % nam và 8,5% nữ). Nói cách khác, nữ giới có xu hướng tham vấn các nguồn tin từ mạng lưới quan hệ xã hội cá nhân và điều này có thể xuất phát từ việc bản thân phụ nữ, trong so sánh tương quan với nam giới, thường ít dám phiêu lưu và ít có khả năng đối phó với bên ngoài tốt như nam giới. Đặc biệt, chỉ có 1,9% số người được hỏi sử dụng tổng hợp các kênh thông tin truyền thông như báo chí, quảng cáo thông tin và các dịch vụ giới thiệu việc làm. Không ai tìm việc thông qua tivi và rất ít người tìm việc thông qua tuyển dụng của chính doanh nghiệp, cơ quan hay dịch vụ môi giới, qua báo hoặc quảng cáo dán tường (tỷ lệ dưới 1%).

Các phỏng vấn sâu cũng khẳng định, người làng, họ hàng và cha mẹ đi trước là những người hướng dẫn người đi sau di cư, dẫn dắt công ăn việc làm cho họ, thu xếp giúp đỡ họ nơi ăn chốn ở để họ có thể làm việc ngay mà không phải chờ đợi.

Biểu 1. Các cách giải quyết khó khăn trước khi di cư

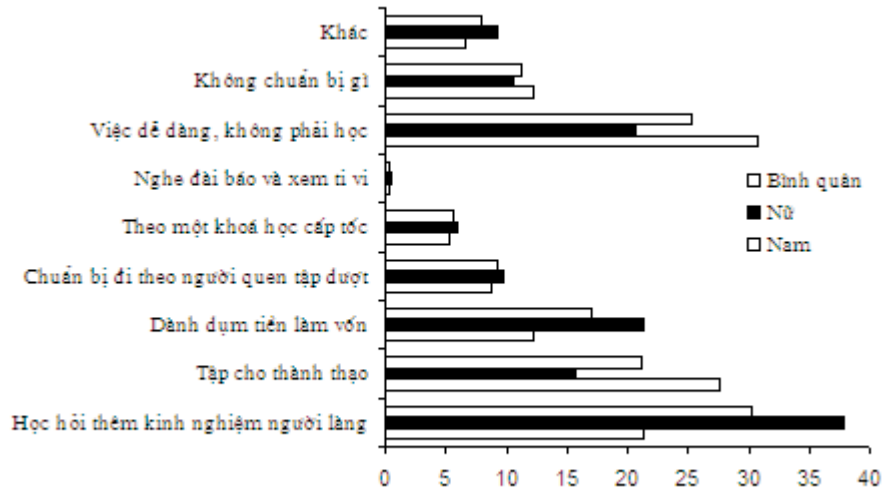


“Các chị ở xóm đi giới thiệu cho em theo lên. Những chị ấy bảo trên Hà Nội thì dễ kiếm tiền...” (nữ di cư, 26 tuổi)... hay “Mình nhờ các chị em đi trước chỉ bảo cho đường đi nước bước...” (nữ di cư, 32 tuổi).

Không có nhiều khác biệt giữa các nhóm người di cư làm các ngành nghề khác nhau ở Hà Nội (sau di cư) với các nguồn thông tin mà họ sử dụng để tìm hiểu công việc sẽ làm trước khi di cư. Những nhóm giúp việc gia đình, nhóm tự kinh doanh bán hàng rong, làm đồng nát, nhóm lao động làm thuê, nhóm công nhân thợ may, xây dựng, làm mộc... đều tìm kiếm việc làm thông qua các nguồn thông tin từ người làng, họ hàng và cha mẹ, với các tỷ lệ tương ứng là 80%, 87,2%, 75,3% và 74,1%. Đặc biệt, tỷ lệ những người có việc làm không ổn định (như người làm thuê) sử dụng các nguồn thông tin từ mạng lưới xã hội của họ trước khi di cư là khá cao (75%). Một nam giới đi bán hàng rong cho biết trước khi ra Hà Nội, anh biết rất rõ công việc của mình sẽ làm là khá vất vả do những người đi trước cho biết nhưng anh vẫn quyết định ra đi.

Tỷ lệ cao trong việc sử dụng các nguồn thông tin từ người làng, họ hàng và cha mẹ trong nhóm người di cư tự do cho thấy Cai Fang (1998), nhà nghiên cứu di dân Trung Quốc, đã hoàn toàn có lý khi phê phán nhận định quan điểm “di cư mù”, di cư phần lớn dựa trên hy vọng hơn là tính

Biểu 2. Chuẩn bị trau dồi kiến thức, kỹ năng và vốn



toán về chênh lệch thực tiễn trong học thuyết của Todaro. Kết quả này cũng đúng với điều tra di cư của Tổng cục Thống kê và UNFPA 2004 và các nghiên cứu của Đặng Nguyên Anh cho rằng người di cư ít sử dụng thông tin từ các dịch vụ giới thiệu việc làm hay các phương tiện thông tin đại chúng, mà thường nhờ cậy vào các quan hệ họ hàng, người làng hay bạn bè. Mạng lưới họ hàng thân tộc, người quen đã dẫn dắt, hỗ trợ, cuu mang người mới đến thành phố vượt qua những khó khăn ban đầu như giúp đỡ tìm việc làm, nơi ăn, chốn ở, góp phần giảm bớt chi phí của sự di chuyển (UNFPA, 2007; Đặng Nguyên Anh, 1998).

Bên cạnh đó, kết quả phân tích trên cũng chỉ ra rằng mặc dù số lượng các trung tâm giới thiệu việc làm ngày càng tăng và mở rộng quy mô hoạt động trong thời gian qua cùng với sự phát triển nhanh chóng của các kênh truyền thông đại chúng nhưng hiệu quả cung cấp thông tin cho người di cư thì rất hạn chế. Nó phản ánh sự yếu kém của các cơ sở giới thiệu việc làm và những hạn chế của các kênh thông tin truyền thông đại chúng trong việc đưa thông tin về lao động và việc làm đến với người lao động di cư tự do.

3.2. Vượt qua những rào chắn trước khi di cư:

Đa số người di cư có xu hướng giải quyết các khó khăn trước khi quyết định di cư, chỉ có 12,9% người trả lời là không làm gì cả, mặc kệ, muốn

ra sao thì ra. Để đối phó với tình trạng “cha mẹ hay vợ chồng không đồng ý” hoặc tình trạng “con cái, nhà cửa không ai chăm sóc” là phương án thuyết phục cha mẹ, chồng/vợ hay người họ hàng chấp nhận, thay thế giải quyết các công việc gia đình và chăm sóc con cái. Các biện pháp khác như học hỏi, tìm người quen, vay vốn, nhờ họ hàng...” cũng được thực hiện nhằm khắc phục những khó khăn về vốn, kiến thức làm ăn, con cái không có người chăm sóc, v.v.

Một số biện pháp được ít cặp gia đình lựa chọn như di cư cùng chồng vợ, hoặc đưa con đi theo cùng. Vẫn còn một bộ phận người di cư quyết tâm di cư với đầy sự may rủi, cứ đi, muốn ra sao thì ra (13,5% nam và 12,4% nữ).

Không có khác biệt nào giữa nam và nữ trong việc giải quyết các khó khăn ngoại trừ phương án trả lời thứ ba “nhờ cậy họ hàng chăm sóc con cái nhà cửa”. Số người trả lời lựa chọn phương án này ở phụ nữ cao gấp đôi nam giới. Người chồng hay người vợ ở lại được coi là giải pháp tối ưu trong việc chăm sóc con cái khi người vợ hay người chồng vắng nhà, kế tiếp mới là cha mẹ người di cư và họ hàng.

Tuy không nhiều, nhưng có những trường hợp di cư mà người phụ nữ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc để con lại cho chúng tự chăm sóc nhau. Đây là những tình cảm thật - nỗi lo âu về con luôn ám ảnh người mẹ khi chị “*buộc phải di cư lên Hà Nội trước là vì kinh tế, sau là vì bệnh tình của người chồng*”:

“Chẳng có lựa chọn nào vì thằng anh đang đi học, mà đưa lên đây thì không học được, đúng hơn là không có tiền đóng học ở trên này, mà ở nhà thì phải có hai anh em chứ, cũng bảo đưa con bé lên trên này, lúc hè cũng đưa con bé lên trên này, lúc về thằng anh bảo mẹ đừng đưa em đi, cho em ở nhà, khi con học nó chạy thì còn có tiếng động. Khi mẹ mang nó đi, con ở nhà một mình, nhà cửa cứ im lìm, chán lắm. Em cứ chảy nước mắt khi con nó nói vậy, nó còn bé mà đã phải chịu cảnh này, đã phải tự lo tự nấu như một ông chủ gia đình” (nữ di cư, 34 tuổi).

Những phụ nữ hay nam giới ly thân, ly hôn mà di cư khi con còn nhỏ hay nam giới di cư khi con còn nhỏ mà người vợ đi lao động xuất khẩu gặp khá nhiều khó khăn trong việc thuyết phục họ hàng chăm sóc con cái của họ.

3.3. Chuẩn bị vốn, trau dồi kiến thức “công việc” để dễ được chấp nhận:

Để có thể có sự chuẩn bị tốt cho hành trình di cư, cụ thể là để dễ được

các ông chủ chấp nhận, người lao động di cư đã tự khắc phục khó khăn bằng nhiều cách, từ việc chuẩn bị cho mình vốn kiến thức và kỹ năng về nghề đến việc chuẩn bị tiền vốn, tập dượt cho thành thạo trước khi di cư.

Số liệu khảo sát cho thấy một phần ba (30,3%) người di cư tự do ít nhất cũng đã hỏi kinh nghiệm người làng từng làm ở Hà Nội và 21,1% tập tành để thành thạo hơn. 17,1% người lo dành dụm tiền làm vốn, 5,7% tìm cách học một khóa cấp tốc và 0,4% cố gắng tìm hiểu công việc qua tivi. Tất nhiên là trong số những người trên, có người di cư chuẩn bị cả các phương án như vừa học việc, vừa dành dụm tiền. Trong khi đó, lại có đến một phần tư (25,3%) số người cho rằng công việc ở Hà Nội đơn giản, không cần chuẩn bị, và 11,3% số người phó thác cho sự may rủi, để sự việc muốn đến đâu thì đến.

Xét theo tương quan giới, trong khi nam giới nghiêng nhiều hơn đến vấn đề tập dượt cho thành thạo thì nữ giới lại nghiêng đến vấn đề chuẩn bị tiền vốn. Tỷ lệ nam giới chú trọng đến kỹ năng và tập tành cho công việc để có được sự thành thạo cao hơn nữ (27,6% nam so với 15,7% nữ). Trong khi đó, tỷ lệ nữ chú trọng chuẩn bị tiền vốn cao hơn nam (21,3% nữ so với 12,2% nam). Những điều này cho thấy khuynh hướng lựa chọn công việc đòi hỏi một nguồn vốn nhỏ trong những người nữ di cư.

Những người di cư lên Hà Nội thường là những người di cư theo mùa vụ. Tuy nhiên, do xu thế cạnh tranh ở đô thị, “tính chất di cư theo mùa vụ” ngày càng thay đổi. Người di cư không còn quá chú trọng đến thời gian trở về để làm nông nghiệp như trước đây do nhiều công đoạn của sản xuất nông nghiệp đã được thuê mướn, do diện tích đất sản xuất ngày càng bị thu hẹp hoặc do người ở nhà có thể đảm nhiệm tất cả các công việc đó.

Vai trò giới có mối liên quan chặt chẽ tới động lực di cư, quyết định di cư và tác động tới con đường di cư của phụ nữ và nam giới. Quyền ra quyết định di cư bị ảnh hưởng bởi chiến lược lựa chọn tối ưu của các gia đình. Nói cách khác, mặc dù vai trò của các cá nhân trong việc quyết định di cư ngày càng cao như nhiều người di cư khẳng định thì trên thực tế, vấn đề ai là người di cư trong hộ (chồng hay vợ) thường được quyết định bởi “quyết sách chung, chiến lược chung” của hộ gia đình do tính chất “không thể tách rời” bởi nghĩa vụ và trách nhiệm đối với gia đình và người ở lại của cả hai phía.

Chiến lược chung của nhiều hộ gia đình nông dân thường được cân nhắc trên các phương diện như nhu cầu thị trường và ai có khả năng phù hợp với nhu cầu, ai có thể đem lại lợi ích cao hơn cho hộ gia đình; sự toàn

ven của hộ gia đình (ai đi sẽ không ảnh hưởng đến hành phúc gia đình); và sự hài hòa các mục tiêu di cư có “thu nhập cao” và mục tiêu “chăm sóc con cái” (chọn nơi nào để có thể về chăm sóc gia đình, con cái). Do vậy, phụ nữ, đặc biệt là những phụ nữ có con nhỏ, có xu hướng lựa chọn các địa điểm di cư có khoảng cách gần hơn để tận dụng thời gian nông nhàn và cũng là để dễ quay về chăm sóc gia đình. Sự chuẩn bị hay là “chiến lược thích ứng, hòa nhập” của người di cư bắt đầu ngay trước khi di cư và trong lúc di cư. Việc đưa ra các quyết định di cư hoàn toàn không đơn giản cho cả nam và nữ, nhưng nam giới thường chủ động hơn phụ nữ, tỷ lệ nam giới tự quyết định việc di cư của mình cao hơn ở nữ giới.

Xét từ góc độ giới, đa số phụ nữ gặp nhiều trở ngại hơn nam giới trước khi di cư bởi họ luôn phải giằng co giữa trách nhiệm chăm sóc con cái, cha mẹ già, lao động gia đình, lao động trên ruộng đồng và trách nhiệm kiếm tiền. Khi quan niệm và những chuẩn mực, giá trị về vai trò của phụ nữ ngày càng thay đổi, phụ nữ ngày càng được chấp nhận trở thành một lực lượng lao động quan trọng bên cạnh nam giới. Sự xung đột giữa hai vai trò kiếm tiền và chăm sóc gia đình thường là những rào cản lớn nhất trước khi di cư của phụ nữ. Trong giai đoạn tiếp theo, như một lẽ tự nhiên, sẽ là sự lựa chọn chiến lược sống để thích ứng và hòa nhập ở môi trường mới. ■

Tài liệu tham khảo

Bourdieu, P & Wacquant, L. 1992. *An invitation to reflexive sociology*. Chicago: University of Chicago press, dẫn theo Lê Việt Nga, 2009. Chuyên đề “Phụ nữ và nam giới chuẩn bị hành trang ban đầu cho việc tham gia vào thị trường lao động Hà Nội” của đề tài.

Cai Fang. 1998. “Economic reasons for migration: the organization of the labor force and the selection of jobs”. *Social Sciences in China*, No 1/1998.

Đặng Nguyên Anh. 1998. “Di cư và phát triển trong bối cảnh đổi mới kinh tế-xã hội của đất nước”. *Tạp chí xã hội học*, Số 1(61).

Lê Thị. 2003. *Phụ nữ Việt Nam trong kinh tế thị trường*. H.:NXB Khoa học xã hội.

Phạm Thị Huệ. 2008. Chuyên đề “Vai trò Giới và chiến lược đối phó với nghèo đói của các hộ gia đình tham gia trong các quyết định di cư của phụ nữ và nam giới” của đề tài.

Than Khac Lien et. al. 1997. Result of the project study on push and pull factors rural-urban in to cities in the period of transition and its impact on places of origin and destination in Vietnam.

UNFPA. 2007. *Di cư trong nước và hiện trạng ở Việt Nam*.

Torado, M 1976. *Internal migration in Developing countries: A review of theory, evidence, methodology and research priorities*. Geneva: International labor office.